TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày 07 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Lương Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Dung và bà Lê Thị Bống.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2021/TLST – HS, ngày 11/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST - HS, ngày 13/5/2021 đối với các bị cáo:

1. **Sồng A K** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 8 năm 1988 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản L, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Mông. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo, đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Sồng A L, sinh năm 1960 và bà Mùa Thị L, sinh năm 1958; có vợ là Lầu Thị C, sinh năm 1990 và có ba con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2003 bị Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong); Ngày 23/4/2019 bị Ủy ban nhân dân xã S, huyện Phù Yên áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian 03 tháng (đã hết thời hiệu và được coi là chưa bị xử lý hành chính); Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Sồng A S** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 4 năm 1985 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản L, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Dân tộc:

Mông. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo, đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Sồng A L, sinh năm 1960 và bà Mùa Thị L, sinh năm 1958; có vợ là Mùa Thị Q, sinh năm 1982 và có sáu con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2018 bị Ủy ban nhân dân xã S, huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã hết thời hiệu và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Anh Sồng A B, sinh năm 1985; Nơi cư trú: bản L, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án*:

1. Anh Vì Văn C, sinh năm 1989; Nơi cư trú: bản V, xã G, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2. Ông Sồng A D, sinh năm 1972; Nơi cư trú: bản S, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3. Ông Lê Văn E, sinh năm 1962; Nơi cư trú: bản K, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

S ngày 25/01/2021, Sồng A K và Sồng A S bàn bạc với nhau mỗi người đi trộm một con bò rồi dắt đến buộc tại nhà bỏ hoang của anh Sồng A F, thuộc bản L, xã S, huyện Phù Yên để gọi người đến mua vào ngày hôm sau. Khoảng 21 giờ ngày 25/01/2021, Sồng A K mang theo 01 đoạn dây thừng, 01 điện thoại di động đi đến khu vực chăn thả gia súc của bản L để trộm bò. K nhìn thấy 01 con bò cái lông màu vàng, khoảng 02 năm tuổi không có ai trông coi nên dùng đoạn dây thừng mang theo buộc vào cổ con bò rồi dắt về buộc cạnh chiếc lán nương của Sồng A F. Khoảng 05 giờ ngày 26/01/2021, Sồng A S mang 01 đoạn dây thừng đi đến khu vực chăn thả gia súc của bản L để trộm bò. S dùng dây thừng buộc vào sừng 01 con bò cái, lông màu đỏ vàng, khoảng ba năm tuổi rồi dắt theo đường dân sinh đi về thì K gọi điện thoại cho S bảo dắt con bò đã trộm đến lán nương của Sồng A F để đợi bán.

Sồng A K gọi điện cho anh Vì Văn C, sinh năm 1989, trú tại bản V, xã G, huyện Phù Yên đến mua bò, K và S thống nhất bán hai con bò đã trộm được cho C với giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), C trả tiền bò và trả thêm tiền công 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để thuê K và S dắt bò đến chỗ để xe ô tô của C.

Sau khi bán được 02 con bò đã trộm, cả hai chia nhau tiền, K được số tiền 6.050.000,đ (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) còn S được số tiền 9.050.000,đ (Chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), Sồng A K và Sồng A S đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi mua bò của S và K, anh C đã đổi con bò cái, lông màu đỏ vàng, khoảng ba năm tuổi cho ông Sồng A D, sinh năm 1972, trú tại bản S, xã S, huyện Phù Yên lấy 01 con bò khác và trả thêm cho ông D số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Sau đó, anh C bán lại con bò đã đổi với ông D và con bò còn lại cho ông Lê Văn E, sinh năm 1962, trú tại bản K, xã T, huyện Phù Yên với giá 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). Đến cuối tháng 2 năm 2021, ông Lê Văn E đã bán 02 con bò mua được từ C và đàn bò của gia đình cho một người (không biết tên, địa chỉ) chuyên mua trâu bò.

Ngày 14/3/2021, anh Sồng A B có đơn tố giác hành vi trộm cắp của Sồng A K và Sồng A S.

Ngày 17/3/2021, cơ quan CSSĐT huyện Phù Yên đã tạm giữ 01 con bò cái, lông màu đỏ vàng, mỗi bên sừng dài 05cm của ông Sồng A D, là con bò ông D đã đổi lấy với anh Vì Văn C.

Ngày 16/3/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên ban hành yêu cầu định giá tài sản số 08/YC-ĐCSHS để định giá đối với: 01 con bò cái, loại bò ta, lông màu đỏ vàng, nặng khoảng 120kg, mỗi bên sừng dài 5cm, 36 tháng tuổi, sức khỏe bình thường; 01 con bò cái, loại bò ta, lông màu vàng, nặng khoảng 95kg, mỗi bên sừng dài 3cm, 36 tháng tuổi, sức khỏe bình thường.

Tại kết luận định giá tài sản số 08/KLĐGTS, ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 02 con bò (có đặc điểm như mô tả theo yêu cầu định giá tài sản số 08/YC-ĐCSHS, ngày 16/3/2021), có trị giá trị là: 01 con bò nặng 120kg có giá trị 11.000.000 đồng; 01 con bò nặng 95kg có giá trị 9.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 20.000.000,đ. (Hai mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Ngày 25/01/2021, Sồng A K và Sồng A S xin bố đẻ là ông Sồng A L mang bò của gia đình đi bán lấy tiền nhưng ông L không đồng ý. K và S nảy sinh ý định đi trộm bò của người khác về bán, cả hai bàn bạc với nhau và thống nhất đi trộm cắp bò của người dân trong bản L để bán cho người khác lấy tiền, tối ngày 25/01/2021 Sồng A K trộm 01 con bò, sáng ngày 26/01/2021 Sồng A S trộm 01 con bò đều ở khu chăn thả gia súc của bản L. Sau khi trộm, K và S dắt bò đến lán nương nhà Sồng A F để chờ bán, Sồng A K gọi điện cho anh Vì Văn C tới mua bò và bán được cả hai con bò với số tiền 15.000.000,đ và được anh C trả tiền công dắt thuê 02 con bò đã trộm đến xe ô tô cho anh C được 100.000,đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo Sồng A K và Sồng A S đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải và mong muốn người bị hại tha thứ cho hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại anh Sồng A B trình bày: Anh bị mất hai con bò vào ngày 26/01/2021, sau khi bị mất bò anh và gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không thấy, đến khi gặp được anh Vì Văn C và được anh C cho xem đoạn băng ghi hình ghi lại quá trình mua bò giữa anh C và hai bị cáo thì mới phát hiện các bị cáo K, S lấy trộm bò của anh B đi bán cho anh C. Trong quá trình điều tra, ngày 18/3/2021, người bị hại anh B đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản bị mất trộm là 01 con bò cái để quản lý, sử dụng, gia đình các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình anh B số tiền là 17.000.000,đ, và đã được lập thành văn bản thỏa thuận ghi rõ số tiền bồi thường là 17.000.000,đ, tuy nhiên khi giao nhận tiền giữa hai bên đã thống nhất anh B giảm cho đại diện của các bị cáo 200.000,đ, nên anh B chỉ nhận 16.800.000,đ (Mười sáu triệu, tám trăm ngàn đồng) là tiền trị giá con bò bị bán mất không tìm thấy và tiền công tìm kiếm bò, anh B đã nhận đủ tiền và tại phiên tòa anh B không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 43/CT - VKS, ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Sồng A K, Sồng A S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Sồng A K và Sồng A S mỗi bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của gia đình các bị cáo với người có quyền lợi liên quan anh Sồng A D với số tiền 16.700.000,đ (Mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và với người bị hại anh Sồng A B số tiền 16.800.000,đ (Mười bảy triệu đồng)

Các bị cáo đều thuộc hộ nghèo của xã S, huyện Phù Yên do đó đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đồng thời đã giải thích, tạo điều kiện để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi liên quan vắng mặt có lý do, tuy nhiên có đầy đủ ý kiến của những người liên quan, việc vắng mặt của người có quyền lợi liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của họ, căn cứ vào khoản 1 điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành phạm tội của các bị cáo: Do muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo K và S đã bàn bạc, thống nhất đi trộm cắp bò của người khác để bán, ngày 25/01/2021 và 26/01/2021, các bị cáo Sồng A K và Sồng A S đã có hành vi lén lút, bí mật, trực tiếp trộm cắp 02 con bò của bị hại anh Sồng A B. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

Xét tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đề ngày 14/3/2021; Kết luận định giá số 08/KLĐGTS, ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phù Yên; Các tài liệu và lời khai nhận tội của các bị cáo; Sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Lời khai của người bị hại, người liên quan; Biên bản nhận dạng; Các tài liệu về việc tạm giữ, giao trả tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận Sồng A K và Sồng A S đã phạm tội Trộm cắp tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo đồng phạm với vai trò giản đơn, bị cáo Sồng A K là người rủ rê, khởi xướng việc trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo Sồng A S là đồng phạm tích cực trong việc trộm cắp tài sản, cả hai bị cáo đã trực tiếp thực

hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân: Bị cáo Sồng A K bị áp dụng biện pháp hành chính theo quyết định số 741/QĐ – UBND, ngày 19/11/2003 bị UBND huyện Phù Yên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng; Tại quyết định số 65/QĐ-UBND, ngày 23/4/2019 của UBND xã S, huyện Phù Yên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Đều đã hết thời hiệu và được coi là chưa áp dụng biện pháp xử lý hành chính).

Bị cáo Sồng A S: Tại quyết định số 101/QĐ - XPHC, ngày 18/6/2018 của UBND xã S, huyện Phù Yên quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với mức phạt 750.000,đ *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* (bị cáo đã chấp hành xong, và được coi là chưa áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều là người thành niên, có sức khỏe, có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lười lao động, không chịu khó tu chí làm ăn, sử dụng ma túy, lại cố tình phạm tội, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật. Trong vụ án cả hai bị cáo là người trực tiếp, tích cực thực hiện tội phạm, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người bị hại, do đó cần xử phạt nghiêm khắc với các bị cáo, cần lên mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra và nhân thân của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại, các bị cáo đã tích cực bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi liên quan; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, do đó cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo về hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Xét điều kiện hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, gia đình đều thuộc diện gia đình chính sách hộ nghèo, không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập phụ thuộc vào chăn nuôi, trồng trọt, không có tài sản có giá trị, nếu áp dụng hình phạt bổ sung thì khó có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội, gia đình các bị cáo đã tự nguyện, tích cực bồi thường thiệt hại và tiền công truy tìm bò bị mất không tìm thấy cho anh Sồng A B là 16.800.000,đ (Mười sáu triệu, tám trăm ngàn đồng), anh B không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngày 18/3/2021, đại diện gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh Sồng A D số tiền 16.700.000,đ (Mười sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng). Anh D đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu đề nghị gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với một con bò của anh Sồng A B thu giữ tại nhà của ông Sồng A D, ngày 18/3/2021 cơ quan công an đã trả lại cho anh B quản lý, sử dụng, anh B đã được nhận lại bò và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, việc cơ quan công an trả lại một con bò cho anh B là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và không xem xét giải quyết

- Đối với 02 sợi dây thừng là công cụ các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo bán theo bò cho anh Vì Văn C. Khi đổi bò, anh Sồng A D đã tháo ra để thả rông bò và đốt dây thừng. Đối với sợi dây thừng buộc con bò mà anh C bán cho anh E, anh Chiến đã tháo dây thừng để thả bò vào đàn và đốt chúng với những sợi dây thừng đã cũ nhà anh E và đối với 02 chiếc thiện thoại di dộng mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận 02 chiếc điện thoại đã hỏng và bị rơi, sim sử dụng là sim rác, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không phát hiện thu giữ được, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với hai sợi dây thừng và hai chiếc điện thoại.

[8] Đối với anh Vì Văn C là người mua hai con bò do các bị cáo phạm tội mà có, sau đó anh C lại đổi một con với ông Sồng A D và dùng con bò đã đổi với ông D cùng với con còn lại đem bán cho ông Lê Văn TR. Ông Sồng A D là người đã đổi một con bò với anh C. Ông Lê Văn TR người đã mua bò của anh C và sau khi mua đã bán hai con bò đã mua cùng số bò của mình cho người khác. Việc mua bán, trao đổi bò của anh C, ông D, ông TR là ngay thẳng, không biết số bò đã mua, đã đổi là do phạm tội mà có do đó không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Do các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, tại phiên tòa các bị cáo đều đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm nên miễn giảm án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. *Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 38, điều 58 Bộ luật Hình sự*:

Tuyên bố các bị cáo Sồng A K và Sồng A S phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Sồng A K 21 (Hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14 tháng 3 năm 2021.

- Xử phạt bị cáo Sồng A S 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14 tháng 3 năm 2021.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sồng A K và Sồng A S.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo; Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/6/2021).

Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lương Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện PY (2);
- Công an huyện PY;
- Cơ quan Thi hành án HS;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện PY (án có hiệu lực);
- THAPT (6);
- Người BH và người CQLLQ (4);
- Lưu HS, AV.